



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15 Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 50

Ban Kiểm soát

- Ông Nguyễn Mạnh Hùng Trưởng ban Kiểm soát (Đã nhậm chức ngày 30 tháng 07 năm 2017)
- Bà Đinh Thị Hải Thành viên
- Bà Nguyễn Diệu Thanh Thành viên (Đã nhậm chức ngày 30 tháng 07 năm 2017)
- Ông Nguyễn Văn Mạnh Hùng Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 07 năm 2017)
- Ông Nguyễn Hải Thịnh Thành viên (Đã nhậm chức ngày 30 tháng 03 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

- Ông Nguyễn Thanh Bình Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty sẽ trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đánh giá các tài sản và nợ phải trả một cách hợp lý và thận trọng;
- Nghiên cứu nguyên tắc kế toán thích hợp có được trên thị trường và những áp dụng sai lệch trong yêu cầu được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính công khai có sự hoạt động liên tục và tương tự, không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thuật kế và các mục tiêu tài chính không xuất hiện tại một cách hiệu quả mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và giải lập.

01/08/2017
TRÁI KIỂM TỬ
ANH
08/08/2017
TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Duy Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên
Ông Lê Anh Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Tất Thắng	Ủy viên
Bà Lại Thị Minh Hiền	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 03 năm 2017)
Ông Nguyễn Tiến Thanh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 03 năm 2017)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Mạnh Hoàng	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 03 năm 2017)
Bà Đinh Thị Hảo	Thành viên
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 03 năm 2017)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 03 năm 2017)
Ông Nguyễn Hải Thịnh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 03 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 02, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 033101/2018/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ Phần**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần, được lập ngày 31 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 50 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin nhấn mạnh rằng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đã ghi nhận giá trị khoản mục vốn góp của chủ sở hữu vào thời điểm bắt đầu hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo số vốn đã góp đủ theo Đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty. Tuy nhiên, biên bản xác định vốn Nhà nước giữa Nhà nước và Tổng Công ty chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Nguyễn Như Phương
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Ngày 31 tháng 03 năm 2018

Lê Quốc Anh
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2015-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

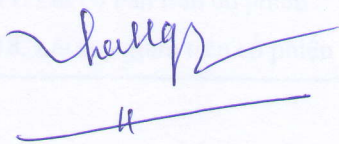
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.890.427.403.061	4.572.902.643.435
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	91.777.269.903	78.909.624.535
1. Tiền	111		64.533.677.784	77.209.624.535
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.243.592.119	1.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.703.099.850	9.433.351.517
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	37.497.711.517	9.433.351.517
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		205.388.333	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.700.402.750.586	4.445.407.575.504
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	412.003.311.694	329.538.766.895
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.458.804.498	1.263.623.324
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	1.131.843.777.066	3.955.795.140.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.170.759.069.536	165.135.432.795
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(15.662.212.208)	(6.325.387.510)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	56.590.079.757	30.398.032.064
1. Hàng tồn kho	141		56.765.522.754	30.398.032.064
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(175.442.997)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.954.202.965	8.754.059.815
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.15a	139.086.964	48.435.519
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.815.116.001	8.565.341.105
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.20a	-	140.283.191
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		771.152.787.925	827.981.411.274
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		75.000.000	151.212.270.929
1. Phải thu dài hạn khác	216		75.000.000	151.212.270.929
II. Tài sản cố định	220		43.677.767.053	47.034.410.747
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	41.314.603.663	44.534.272.771
- Nguyên giá	222		112.391.021.155	109.750.855.512
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.076.417.492)	(65.216.582.741)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.363.163.390	2.500.137.976
- Nguyên giá	228		3.853.926.876	3.853.926.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.490.763.486)	(1.353.788.900)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.060.174.537	4.429.357.810
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.060.174.537	4.429.357.810
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		708.270.162.698	608.076.183.930
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	63.213.392.171	63.213.392.171
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	550.927.955.287	450.937.955.287
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	96.127.606.353	96.127.606.353
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.998.791.113)	(2.202.769.881)
V. Tài sản dài hạn khác	260		15.069.683.637	17.229.187.858
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15b	15.069.683.637	17.229.187.858
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.661.580.190.986	5.400.884.054.709

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.893.802.656.996	4.654.431.173.475
I. Nợ ngắn hạn	310		2.893.802.656.996	4.650.882.373.475
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	1.950.079.612.410	3.620.261.359.116
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	536.531.959.977	201.127.435.248
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.20b	6.031.478.952	5.441.237.517
4. Phải trả người lao động	314		2.999.538.482	10.172.148.116
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.524.808.089	53.544.144.403
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	218.403.934.158	720.336.049.075
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	177.168.827.037	40.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.062.497.891	-
II. Nợ dài hạn	330		-	3.548.800.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	3.548.800.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		767.777.533.990	746.452.881.234
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	767.777.533.990	746.452.881.234
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		713.000.000.000	713.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.777.533.990	33.452.881.234
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.297.237.172	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		53.480.296.818	33.452.881.234
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.661.580.190.986	5.400.884.054.709




Nguyễn Thu Hương
Người lập
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng

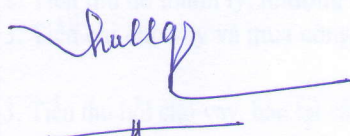




Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.711.867.101.013	4.147.233.516.397
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		132.988.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.711.734.113.013	4.147.233.516.397
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.664.531.246.815	4.043.862.436.411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.202.866.198	103.371.079.986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	367.552.098.915	135.611.460.075
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	301.694.743.273	148.201.639.188
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		126.113.145.438	9.127.650.696
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.377.592.510	7.826.911.620
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	48.785.574.266	44.102.931.612
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.897.055.064	38.851.057.641
11. Thu nhập khác	31		611.491.522	1.076.382.612
12. Chi phí khác	32		271.361.699	813.076.468
13. Lợi nhuận khác	40		340.129.823	263.306.144
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.237.184.887	39.114.363.785
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	3.756.888.069	5.661.482.551
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53.480.296.818	33.452.881.234
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-


Nguyễn Thu Hương
Người lập
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018


Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	57.237.184.887	39.114.363.785
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.032.973.197	5.007.776.836
Các khoản dự phòng	03	9.308.288.927	8.528.157.391
(Lãi)/Lỗ CLTG hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(82.939.431)	(692.148.944)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(342.918.560.466)	(134.101.426.779)
Chi phí lãi vay	06	126.113.145.438	9.127.650.696
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(144.309.907.448)	(73.015.627.015)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(742.221.166.558)	(505.547.908.236)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(26.367.490.690)	21.724.139.149
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(1.903.796.263.961)	4.559.340.493.149
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	2.068.852.776	1.824.955.302
Tiền lãi vay đã trả	14	(122.234.137.399)	(9.127.650.696)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.577.329.040)	(2.500.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(900.000.000)	(3.225.743.099)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.941.337.442.320)	3.989.472.658.554
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.632.953.643)	(2.456.187.545)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	5.458.188	10.000.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.446.553.707.063)	(3.955.795.140.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.270.299.681.664	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(99.000.000.000)	(274.382.606.613)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	47.973.020.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	124.150.132.759	49.960.862.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.846.268.611.905	(4.134.690.051.858)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.712.623.521.631	122.789.818.909
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.575.454.694.594)	(87.675.711.697)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.233.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	107.935.827.037	35.114.107.212
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	12.866.996.622	(110.103.286.092)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	78.909.624.535	189.012.910.627
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		648.746	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	91.777.269.903	78.909.624.535

Nguyễn Thu Hương
Người lập
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty TNHH MTV. Tổng Công ty được thành lập theo Quyết định số 66/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0113543 ngày 04 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 400.000.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13 tháng 05 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức đổi tên thành Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần. Vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển đổi mô hình sang Công ty cổ phần là 713.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 211 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 246 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi;
- Trồng rừng và khai thác lâm sản khai thác trừ gỗ;
- Hoạt động dịch vụ nông nghiệp;
- Khai thác, nuôi trồng, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm, đồ uống, thịt, sản phẩm từ thịt, hàng hóa nông sản;
- Sản xuất, kinh doanh, chế biến hàng nông sản;
- Sản xuất sản phẩm từ nhựa, thủy tinh, vật liệu từ đất sét, máy móc nông nghiệp, máy chế biến thực phẩm;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng rau quả, nông sản phẩm, vật tư thiết bị;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin; và Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty	
Công ty Giống Rau quả Trung Ương	Số 2 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco	Quốc lộ 13, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
Công ty con	
Công ty TNHH Hai thành viên Chipsgood -Vegetexco	Km30,50m Quốc lộ 5A, thôn Lương, xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, Hưng Yên
Công ty Cổ Phần Cảng Rau Quả	Số 1, Nguyễn Văn Quý, phường Phú Thuận, quận 7, TP Hồ Chí Minh
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hạt điều và Hàng nông sản thực phẩm TP Hồ Chí Minh	458B Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, TP Hồ Chí Minh
Công ty liên kết	
Công ty Cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Tân Bình	1/1 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá	Số 37 Bà Triệu, phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
Công ty Hợp sắt TOVECAN	Lô A60/I - A61/II, đường Số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh
Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower	Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất Nhập khẩu	Số 46, phố Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng	9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hoà, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Số 254, phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tổng Công ty Vật Tư Nông Nghiệp - Công ty cổ phần	Số 164, phố Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, lợi thế thương mại. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành đối với các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê đất.

Lợi thế thương mại phát sinh từ khi Tổng Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức kinh doanh từ mô hình Công ty nhà nước sang Công ty cổ phần. Lợi thế thương mại phát sinh được phân bổ trong thời gian là 3 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn 10 năm, phần mềm máy vi tính.

Giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

Giá trị phần mềm máy vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	10
Phần mềm máy tính	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là số lợi nhuận lũy kế của kết quả hoạt động kinh doanh chưa quyết toán hoặc chưa được phân phối lại tại ngày lập báo cáo. Đại hội đồng cổ đông sẽ phê duyệt Báo cáo tài chính riêng và thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập các quỹ, chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn hoặc để lại bổ sung vốn kinh doanh phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành, theo Điều lệ Công ty và các Nghị quyết được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



13
IG
QUẢ
NG
Đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ hoạt động. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm tài chính được trình bày tại thuyết minh số VII.1

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	680.223.199	389.395.854
Tiền gửi ngân hàng	63.853.454.585	76.820.228.681
Các khoản tương đương tiền	27.243.592.119	1.700.000.000
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long (i)</i>	11.109.301.400	1.700.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên (ii)</i>	16.134.290.719	-
Cộng	91.777.269.903	78.909.624.535

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long với tổng số tiền là 11.109.301.400 đồng với lãi suất từ 4,3% - 4,8%/năm.

(ii) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên với tổng số tiền là 16.134.290.719 đồng với lãi suất 4,7%/năm.

2. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh thể hiện khoản đầu tư cổ phần Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả. Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 37.497.711.517 đồng, số lượng cổ phần nắm giữ 150.912 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017, giá trị khoản đầu tư là 9.433.351.517 đồng, số lượng cổ phần nắm giữ 69.564 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần).

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Tổng Công ty xác định cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả là chứng khoán kinh doanh căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-RQNS-HĐQT về việc Thực hiện tái cơ cấu một số khoản đầu tư dài hạn của Tổng Công ty ngày 01 tháng 01 năm 2017. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện mua thêm 81.348 cổ phần của Công ty CP Xuất nhập khẩu Rau quả để tiến hành chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty CP Xuất nhập khẩu Rau quả.

Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của khoản chứng khoán kinh doanh tại ngày 31/12/2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, do công ty nêu trên của Tổng Công ty chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31/12/2017 chưa thể xác định được để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Giang	136.058.968.232	-
Công ty CP Khoáng sản Nghệ An	127.286.600.000	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại An Vĩnh Phát	50.924.581.680	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Cao Thăng	27.671.278.800	-
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Quang Vinh	23.295.346.810	48.680.754.256
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	33.328.000.000	26.473.000.000
Các đối tượng khác	13.438.536.172	254.385.012.639
Cộng	412.003.311.694	329.538.766.895
Trong đó phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.1)	9.000.000	88.468.536.101

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Thực phẩm xuất khẩu Kiên Giang	285.113.290	285.113.290
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Phát triển Đức Đạt	173.800.000	-
Công ty TNHH Phát triển Hoa lan An Long Kim	572.599.200	479.709.000
	193.984.000	183.120.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hoa Hồng Vân Nam	233.308.008	315.681.034
Các đối tượng khác	233.308.008	315.681.034
Cộng	1.458.804.498	1.263.623.324

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (i)	1.131.843.777.066	3.495.795.140.000
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ	-	460.000.000.000
Cộng	1.131.843.777.066	3.955.795.140.000
Trong đó Phải thu về cho vay là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.1)	1.131.843.777.066	3.955.795.140.000

- (i) Khoản tiền cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T theo Hợp đồng hợp tác số 06/2016/RQNS -TT ngày 01/03/2016 và phụ lục ký bổ sung ngày 01/01/2017 giữa Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T được phép sử dụng một phần vốn nhân rồi của Công ty theo điều khoản thỏa thuận trên Hợp đồng. Lãi áp dụng theo từng thời điểm nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	1.152.172.368	940.573.673
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	25.682.683.515	28.330.523.690
Phải thu ngắn hạn khác	1.143.924.213.653	135.864.335.432
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (i)</i>	995.688.265.304	89.584.617.236
<i>Nguyễn Hoàng Yến (ii)</i>	99.467.830.000	-
<i>Công ty CP Đầu tư Quang Vinh</i>	7.905.976.657	-
<i>Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ</i>	-	7.590.000.000
<i>Công ty TNHH 2 thành viên Chipsgood</i>	6.055.646.142	4.461.372.310
<i>Công ty CP Đầu tư Tài chính Quốc Tế</i>	6.664.243.178	-
<i>Phải thu về cổ tức</i>	1.961.018.000	10.905.244.526
<i>Nguyễn Tất Hiếu (iii)</i>	5.598.750.000	5.598.750.000
<i>Nguyễn Phú Quân (iv)</i>	5.447.700.000	5.447.700.000
<i>Nguyễn Tiến Thanh (v)</i>	5.140.800.000	5.140.800.000
<i>Các đối tượng khác</i>	9.993.984.372	7.135.851.360
Cộng	1.170.759.069.536	165.135.432.795
Trong đó Phải thu khác là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.1)	1.002.694.611.851	109.846.837.811

(i) Đây là các khoản phải thu liên quan đến các hợp đồng:

- Khoản phải thu của Hợp đồng hợp tác kinh doanh 01012017/TT-VEG/120DC giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T ngày 01/01/2017 về việc hai bên cùng góp vốn đầu tư thực hiện “Dự án tòa nhà thương mại, dịch vụ văn phòng cho thuê và nhà ở 120 Định Công” có địa chỉ tại số 120 phố Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Tổng số vốn mà Công ty thực hiện góp cho dự án này là 500.000.000.000 đồng chẵn. Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T góp 350.000.000.000 đồng chẵn. Kết thúc dự án, hai bên sẽ phân chia lại lợi nhuận theo tỉ lệ vốn góp thực tế phát sinh. Khoản tiền lãi dự kiến năm 2017 tương ứng là 48.159.722.222 đồng.
- Khoản phải thu của Hợp đồng hợp tác kinh doanh 02012017/TT-VEG/120DC giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T ngày 01/01/2017 về việc hai bên cùng góp vốn đầu tư thực hiện “Dự án tổ hợp thương mại và văn phòng 273 Tây Sơn” có địa chỉ tại số 273 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tổng số vốn mà Công ty thực hiện góp cho dự án này là 200.000.000.000 đồng chẵn. Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T góp 2.235.000.000.000 đồng chẵn. Kết thúc dự án, hai bên sẽ phân chia lại lợi nhuận theo tỉ lệ vốn góp thực tế phát sinh. Khoản tiền lãi dự kiến năm 2017 tương ứng là 19.263.888.889 đồng.
- Khoản lãi cho vay tương ứng của Hợp đồng hợp tác số 06/2016/RQNS -TT ngày 01/03/2016 và phụ lục hợp đồng gia hạn ngày 01/01/2017 giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T. Tổng giá trị lãi cho vay là 228.264.654.193 đồng. Lãi áp dụng theo từng thời điểm nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Phải thu ngắn hạn khác (Tiếp theo)

- (ii) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2017/HTKD/T&T-PDH giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - CTCP và Bà Nguyễn Hoàng Yến ngày 28 tháng 11 năm 2017. Theo đó, Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần góp toàn bộ, khoản vốn góp sẽ giao cho Bà Nguyễn Hoàng Yến quản lý, có toàn quyền quản lý, sử dụng vốn góp để thực hiện các công việc trong các phương án đầu tư. Thời gian hợp tác dự kiến là 18 tháng kể từ ngày có hiệu lực. Lợi nhuận và vốn góp từ việc thực hiện phương án đầu tư sẽ được chia cho mỗi bên theo tỷ lệ góp vốn thực tế sau khi hoàn thành các nghĩa vụ thuế với nhà nước hoặc theo thỏa thuận khác giữa hai bên.
- (iii) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2016/HĐHTĐT giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần với Nguyễn Tất Hiếu ngày 06 tháng 06 năm 2016. Theo đó, hai bên cùng hợp tác tìm kiếm lợi nhuận thông qua đầu tư chuyển nhượng, mua bán cổ phần tại các công ty khác tại Việt Nam theo tiêu chí lựa chọn của các bên. Tổng số vốn mà Tổng Công ty thực hiện góp cho dự án này là 5.598.750.000 đồng chẵn. Thời hạn hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và tự động gia hạn. Phân chia lợi nhuận: Trường hợp tỷ suất lợi nhuận ròng lớn hơn 10%/năm, Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần được quyền quyết định tỷ lệ lợi nhuận theo hợp đồng này cho ông Nguyễn Tất Hiếu nhưng không vượt quá tỷ lệ 10% trên tổng giá trị lợi nhuận ròng thu được. Trường hợp tỷ suất lợi nhuận ròng nhỏ hơn hoặc bằng 10%/năm, Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần hưởng toàn bộ giá trị lợi nhuận ròng thu được.
- (iv) Khoản phải thu Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐHTĐT giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần với Nguyễn Phú Quân ngày 06 tháng 06 năm 2016. Theo đó, hai bên cùng hợp tác tìm kiếm lợi nhuận thông qua đầu tư chuyển nhượng, mua bán cổ phần tại các công ty khác tại Việt Nam theo tiêu chí lựa chọn của các bên. Tổng số vốn mà Tổng Công ty thực hiện góp cho dự án này là 5.447.700.000 đồng chẵn. Thời hạn hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và tự động gia hạn. Phân chia lợi nhuận: Trường hợp tỷ suất lợi nhuận ròng lớn hơn 10%/năm, Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần được quyền quyết định tỷ lệ lợi nhuận theo hợp đồng này cho ông Nguyễn Phú Quân nhưng không vượt quá tỷ lệ 10% trên tổng giá trị lợi nhuận ròng thu được. Trường hợp tỷ suất lợi nhuận ròng nhỏ hơn hoặc bằng 10%/năm, Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần hưởng toàn bộ giá trị lợi nhuận ròng thu được.
- (v) Khoản phải thu Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2016/HĐHTĐT giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần với Nguyễn Tiến Thanh ngày 06 tháng 06 năm 2016. Theo đó, hai bên cùng hợp tác tìm kiếm lợi nhuận thông qua đầu tư chuyển nhượng, mua bán cổ phần tại các công ty khác tại Việt Nam theo tiêu chí lựa chọn của các bên. Tổng số vốn mà Tổng Công ty thực hiện góp cho dự án này là 5.140.800.000 đồng chẵn. Thời hạn hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và tự động gia hạn. Phân chia lợi nhuận: Trường hợp tỷ suất lợi nhuận ròng lớn hơn 10%/năm, Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần được quyền quyết định tỷ lệ lợi nhuận theo hợp đồng này cho ông Nguyễn Tiến Thanh nhưng không vượt quá tỷ lệ 10% trên tổng giá trị lợi nhuận ròng thu được. Trường hợp tỷ suất lợi nhuận ròng nhỏ hơn hoặc bằng 10%/năm, Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần hưởng toàn bộ giá trị lợi nhuận ròng thu được.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Nợ xấu	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND
Nhà máy Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Bắc Giang	898.008.849	898.008.849	-	898.008.849
Công ty TNHH Hương Anh	479.948.299	479.948.299	-	479.948.299
Công ty Liên Doanh LUVECO	1.370.244.949	1.370.244.949	-	1.370.244.949
Công ty Cổ phần thực phẩm Xuất khẩu Hưng Yên	572.549.294	572.549.294	-	572.549.294
Công ty TNHH Việt Nga	478.336.693	478.336.693	-	478.336.693
Công ty TNHH Thành Yên	588.012.703	588.012.703	-	588.012.703
Chesapeake Imports LLC	3.748.659.854	3.748.659.854	-	-
Công ty TNHH 2TV Chipsgood	6.055.646.142	6.055.646.142	-	4.463.594.173
Các đối tượng khác	1.986.567.327	1.470.805.425	515.761.902	2.480.276.827
Cộng	16.177.974.110	15.662.212.208	515.761.902	11.330.971.787
				6.325.387.510
				541.990.104
				541.990.104
8. Hàng tồn kho	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.717.494.256	(175.442.997)	13.232.917.015	-
Công cụ, dụng cụ	5.768.654.431	-	1.305.376.675	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	4.405.426.912	-
Thành phẩm	23.121.385.123	-	2.565.561.297	-
Hàng hoá	8.157.988.944	-	8.888.750.165	-
Cộng	56.765.522.754	(175.442.997)	30.398.032.064	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	88.393.872.933	13.613.103.976	6.870.076.786	873.801.817	109.750.855.512
Mua trong năm	602.408.643	2.030.545.000	-	-	2.632.953.643
Xây dựng cơ bản hoàn thành	49.263.000	-	-	-	49.263.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(42.051.000)	(42.051.000)
Số dư tại 31/12/2017	89.045.544.576	15.643.648.976	6.870.076.786	831.750.817	112.391.021.155
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	53.937.198.596	6.266.137.477	4.377.711.712	635.534.956	65.216.582.741
Khấu hao trong năm	3.724.174.414	1.376.116.436	652.622.854	143.084.908	5.895.998.611
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(36.163.860)	(36.163.860)
Số dư tại 31/12/2017	57.661.373.010	7.642.253.913	5.030.334.566	742.456.004	71.076.417.492
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2017	34.456.674.337	7.346.966.499	2.492.365.074	238.266.861	44.534.272.771
Số dư tại 31/12/2017	31.384.171.566	8.001.395.063	1.839.742.220	89.294.813	41.314.603.663

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 6.348.250.969 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.822.698.018 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2017	3.423.426.876	430.500.000	3.853.926.876
Số dư tại ngày 31/12/2017	3.423.426.876	430.500.000	3.853.926.876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2017	974.622.231	379.166.669	1.353.788.900
Khấu hao trong năm	85.641.255	51.333.331	136.974.586
Số dư tại ngày 31/12/2017	1.060.263.486	430.500.000	1.490.763.486
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại ngày 01/01/2017	2.448.804.645	51.333.331	2.500.137.976
Số dư tại ngày 31/12/2017	2.363.163.390	-	2.363.163.390

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 642.379.800 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 274.734.982 đồng).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công trình số 58 Lý Thái Tổ	3.888.548.810	3.888.548.810
Công trình số 2 Phạm Ngọc Thạch	171.625.727	171.625.727
Công trình kho Thường Tín	-	369.183.273
Cộng	4.060.174.537	4.429.357.810

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2017		01/01/2017				
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Hai thành viên Chipsgood-Vegetexo	1.989.900	5.447.612.171	-	(*)	5.447.612.171	-	(*)
Công ty Cổ Phần Cảng Rau Quả (i)	3.156.600	57.765.780.000	-	90.278.760.000	57.765.780.000	-	97.223.280.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hạt điều và Hàng nông sản thực phẩm TP Hồ Chí Minh (ii)	450.000	-	-	(*)	-	-	(*)
Cộng		63.213.392.171	-	90.278.760.000	63.213.392.171	-	97.223.280.000

(*) Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các Công ty con tại ngày 31/12/2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các Công ty con nêu trên của Tổng Công ty chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con tại ngày 31/12/2017 chưa thể xác định được để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Rau quả (mã cổ phiếu VGP - niêm yết trên sàn HNX) được quy đổi theo giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 28.600 đồng/cổ phiếu, tương ứng với 3.156.600 cổ phiếu mà Tổng Công ty nắm giữ. Giá trị hợp lý là 90.278.760.000 đồng.

(ii) Khoản đầu tư vào Công ty CP Xuất nhập khẩu Hạt điều và Hàng nông sản thực phẩm TP Hồ Chí Minh có giá gốc bằng không theo Biên bản đánh giá lại các khoản đầu tư khi chuyển sang Công ty cổ phần.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Hai thành viên Chipsgood-Vegetexco	Hưng Yên	90,00%	90,00%	Sản xuất, chế biến nông sản
2	Công ty Cổ Phần Càng Rau Quả	TP. HCM	40,34%	66,67%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
3	Công ty CP Xuất nhập khẩu Hạt điều và Hàng nông sản thực phẩm TP Hồ Chí Minh	TP. HCM	25,00%	66,67%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Càng Rau Quả là 57.765.780.000 đồng tương ứng 40,34% tỷ lệ sở hữu. Tại ngày 30 tháng 07 năm 2017, tỷ lệ sở hữu của Công ty vẫn là 40,34%, tuy nhiên tỷ lệ kiểm soát của Tổng Công ty là 66,67% (tương ứng với 2/3 thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Càng Rau Quả là người đại diện phần vốn của Tổng Công ty, đồng thời Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Càng Rau Quả đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty). Do đó, Tổng Công ty sẽ trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Càng Rau Quả bắt đầu từ ngày 30 tháng 07 năm 2017 với tỷ lệ sở hữu là 40,34%, tỷ lệ biểu quyết là 66,67%.

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hạt điều và Hàng nông sản thực phẩm TP Hồ Chí Minh là 0 đồng tương ứng 25% tỷ lệ sở hữu. Tại ngày 01 tháng 08 năm 2017, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty vẫn là 25%, tuy nhiên tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty là 66,67% (tương ứng với 2/3 thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hạt điều và Hàng nông sản thực phẩm TP Hồ Chí Minh là người đại diện phần vốn của Tổng Công ty, đồng thời Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hạt điều và Hàng nông sản thực phẩm TP Hồ Chí Minh đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty). Do đó, Tổng Công ty trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hạt điều và Hàng nông sản thực phẩm TP Hồ Chí Minh bắt đầu từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 với tỷ lệ sở hữu là 25%, tỷ lệ biểu quyết là 66,67%.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2017		01/01/2017			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Tân Bình	200.000	20.152.093.367	(*)	200.000	20.152.093.367	(*)
Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá	210.000	4.506.659.196	(*)	210.000	4.506.659.196	(*)
Công ty Hộp sắt TOVECAN		27.719.562.751	(*)		27.719.562.751	(*)
Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower	4.163.884	54.877.127.996	(*)	4.163.884	54.877.127.996	(*)
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu	26.250	3.188.457.664	(*)	26.250	3.188.457.664	(*)
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng	10.816	1.155.755.413	(*)	10.816	1.155.755.413	(*)
Công ty CP in và bao bì Mỹ Châu (i)	5.898.160	58.981.600.000	153.352.160.000	5.898.160	58.981.600.000	122.091.912.000
Công ty CP Kinh Doanh và Đầu Tư Việt Hà	27.758.089	280.356.698.900	(*)	27.758.089	280.356.698.900	(*)
Tổng Công ty Vật Tư Nông Nghiệp - Công ty Cổ phần	9.900.000	99.990.000.000	(*)	-	-	(*)
Cộng		550.927.955.287			450.937.955.287	
Dự phòng đầu tư công ty liên kết		(1.847.157.409)			(822.092.287)	
Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá						

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (mã cổ phiếu MCP - niêm yết trên sàn HOSE) được quy đổi theo giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 26.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng với 5.898.160 cổ phiếu mà Tổng Công ty nắm giữ. Giá trị hợp lý là 153.352.160.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết (Tiếp theo)

(*) Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các Công ty liên kết tại ngày 31/12/2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các Công ty liên kết nêu trên của Tổng Công ty chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết tại ngày 31/12/2017 chưa thể xác định được để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm XK Tân Bình	TP. HCM	20,00%	20,00%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
2	Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá	Thanh Hóa	21,00%	21,00%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
3	Công ty Hộp sắt TOVECAN (Tovecan Corporation Limited)	TP. HCM	22,64%	22,64%	Sản xuất vỏ hộp sắt
4	Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower	Đồng Nai	32,36%	32,36%	Sản xuất kinh doanh nước giải khát trái cây
5	Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất Nhập khẩu	Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư nông sản
6	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD	Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây dựng, vật liệu xây dựng
7	Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	TP. HCM	39,11%	39,11%	Sản xuất kinh doanh bao bì hộp sắt
8	Công ty CP Kinh Doanh và Dầu Tư Việt Hà	Hà Nội	36,10%	36,10%	Sản xuất kinh doanh rau quả hộp đông lạnh
9	Tổng Công ty Vật Tư Nông Nghiệp - Công ty Cổ phần	Hà Nội	45,00%	45,00%	Cho thuê văn phòng, nhà ở, cửa hàng Buôn bán phân bón, thuốc trừ sâu, hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Dịch vụ bất động sản...

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**
Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017		Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND					
Công ty Rau quả Tiền Giang	300.000	3.125.003.792	(*)	3.125.003.792	(*)	200.000	3.125.003.792	(*)	-
Công ty CP TPXK Đồng Giao	400.000	6.861.472.869	(*)	6.861.472.869	-	400.000	6.861.472.869	(*)	-
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	-	80.421.436.800	(*)	80.421.436.800	-	-	80.421.436.800	(*)	-
Công ty CP VIAN	174.880	1.891.647.209	(*)	1.891.647.209	-	174.880	1.891.647.209	(*)	-
Công ty CP XNK Nông Lâm Sản Chế biến	11.892	2.430.117.352	(*)	2.430.117.352	-	11.892	2.430.117.352	(*)	-
Công ty CP XNK Rau quả Hải Phòng	112.949	1.397.928.331	(*)	1.397.928.331	-	112.949	1.397.928.331	(*)	-
Cộng		96.127.606.353	-	(151.633.704)			96.127.606.353		

(*) Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác tại ngày 31/12/2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các Công ty nêu trên của Tổng Công ty chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác tại ngày 31/12/2017 chưa thể xác định được để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
1	Công ty Rau quả Tiền Giang	Tiền Giang	10,00%	10,00%	Sản xuất kinh doanh rau quả hộp, đông lạnh
2	Công ty CP TPXK Đồng Giao	Ninh Bình	10,00%	10,00%	Sản xuất kinh doanh rau quả hộp, đông lạnh
3	Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	Hà Nội	14,40%	14,40%	Sản xuất lon nhôm
4	Công ty Cổ phần VIAN	Hà Nội	14,57%	14,57%	Sản xuất, kinh doanh nước quả đóng hộp
5	Công ty CP XNK Nông Lâm Sản Chế biến	Hà Nội	16,52%	16,52%	Sản xuất kinh doanh nông lâm sản, giống cây
6	Công ty CP XNK Rau quả Hải Phòng	Hải Phòng	18,83%	18,83%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	139.086.964	48.435.519
Cộng	139.086.964	48.435.519
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Quyền sử dụng đất	13.193.249.998	13.559.729.166
Lợi thế thương mại (i)	1.495.512.794	2.991.025.586
Công cụ dụng cụ xuất dùng	380.920.845	678.433.106
Cộng	15.069.683.637	17.229.187.858

(i) Lợi thế thương mại được ghi nhận khi Tổng Công ty chuyển đổi hoạt động từ loại hình doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian là 3 năm từ thời điểm ngày 04 tháng 01 năm 2016 (thời điểm Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần).

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thăng Hoa	280.245.000.000	-
Công ty CP XNK Rau quả 1	239.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hum	17.177.875.000	173.785.983.080
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Tài chính Quốc tế	-	27.096.732.168
Công ty Cổ phần WILSON Việt Nam	-	234.320.000
Các đối tượng khác	109.084.977	10.400.000
Cộng	536.531.959.977	201.127.435.248

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Hoàn Kiếm	842.738.607.813	622.975.906.280
Công ty CP Sản xuất Bao Bì và Xuất nhập khẩu Hà Nội	449.922.974.302	-
Công ty CP Thương mại và Đầu Tư TIC Hà Nội	389.049.803.850	-
Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Tân Mai	229.865.109.470	-
Công ty Cổ phần Logistics Hồng Kông	12.013.944.320	-
Công ty CP Cảng Rau quả	10.365.876.604	-
Công ty TNHH Giồng cây trồng Vạn Xuyên	9.605.118.600	5.657.273.004
Marubeni Grain	-	417.991.387.265
Posco Daewoo Corporation	-	150.081.038.100
PT.Charoen Pokphand Indonesia	-	462.256.407.000
PT Japfa Comfeed Indonesia TBK	-	367.487.904.720
Midstar	-	321.885.960.000
CHS Eerope Sarl	-	736.447.632.990
Ulusoy Un Sanayi Ve Ticaret A.S	-	220.749.637.500
Engelhart	-	212.497.501.566
Phải trả người bán khác	6.518.177.451	102.230.710.691
Cộng	1.950.079.612.410	3.620.261.359.116
Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.1)	10.365.876.604	-

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí hội nghị khách hàng	642.338.400	-
Chi phí lãi vay, trả chậm trích trước	-	8.547.340.277
Chi phí mở UPAS trích trước	-	44.381.361.547
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	209.756.820	82.741.519
Chi phí phải trả khác	672.712.869	532.701.060
Cộng	1.524.808.089	53.544.144.403

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
+ Kinh phí công đoàn;	43.811.008	70.115.638
+ Phải trả tiền cổ phần hóa	10.378.031.556	9.417.885.385
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	207.982.091.594	710.848.048.052
Phải trả tiền dự trữ quốc gia	-	44.685.000
Công ty TNHH MTV Gia Bảo Việt	-	484.125.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	-	191.646.298.900
Công ty CP Đầu tư Hoàn Kiếm	80.889.284.898	5.223.534.948
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ	49.026.868.245	13.259.620.027
Công ty CP Tân Mai	21.332.485.040	-
Công ty CP Thương mại và Đầu tư TIC Hà Nội	21.141.024.558	-
Công ty Bao bì và Xuất nhập khẩu	7.905.169.097	-
Công ty CP Đầu tư Tài chính Quốc Tế	-	13.544.217.620
Công ty Cổ phần Càng rau quả	22.162.194.204	-
Phải trả về cổ tức	100.529.950	-
Các khoản phải trả khác	5.424.535.602	3.004.691.557
Cộng	218.403.934.158	720.336.049.075
Trong đó phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.1)	71.189.062.449	204.905.918.927

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

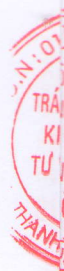
Các chú thích minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	-	15.709.824	-	15.709.824
Thuế nhà thầu	-	102.856.063	-	102.856.063
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.130.959.535	1.109.242.231	21.717.304
Cộng	-	1.249.525.422	1.109.242.231	140.283.191
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	9.809.008	1.164.885.921	1.169.271.830	14.194.917
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.341.041.580	3.756.888.069	3.577.329.040	3.161.482.551
Thuế xuất nhập khẩu	-	15.090.316.088	15.090.316.088	-
Thuế thu nhập cá nhân	445.859.981	3.554.356.312	3.139.287.997	30.791.666
Tiền thuế đất	-	4.600.882.782	4.600.882.782	-
Các loại phí, lệ phí, phải nộp NSNN khác	2.234.768.383	87.687.282	87.687.282	2.234.768.383
Cộng	6.031.478.952	28.255.016.454	27.664.775.019	5.441.237.517



**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		Phát sinh		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	5.250.000.000	5.250.000.000	43.297.448.850	38.047.448.850	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội- Chi nhánh Bình Dương (i)	5.250.000.000	5.250.000.000	43.297.448.850	38.047.448.850	-	-
Vay tổ chức khác	21.918.827.037	21.918.827.037	2.519.326.072.781	2.497.407.245.744	-	-
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ (ii)	21.918.827.037	21.918.827.037	735.356.827.037	713.438.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư KD&TM Quang Vinh	-	-	252.719.245.744	252.719.245.744	-	-
Công ty CP Đầu tư Tài chính Quốc Tế	-	-	644.750.000.000	644.750.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Gia Bảo Việt	-	-	505.000.000.000	505.000.000.000	-	-
Công ty CP Kinh doanh và Thương mại Thịnh Phát	-	-	181.500.000.000	181.500.000.000	-	-
Công ty CP Tập đoàn Tân Long	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-
Vay cá nhân (iii)	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	177.168.827.037	177.168.827.037	2.712.623.521.631	2.575.454.694.594	40.000.000.000	40.000.000.000
b. Vay ngắn hạn là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh số VII.1)	21.918.827.037	21.918.827.037			-	-

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

21. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 28/2016/HĐHM-PN/SHB.130200 ngày 5 tháng 12 năm 2016 tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội- Chi nhánh Bình Dương với tổng hạn mức là 131 tỷ đồng. Thời gian cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 5 tháng 12 năm 2016. Thời hạn vay không quá 6 tháng, đối với các phương án chế biến, xuất khẩu điều nhân, không quá 3 tháng đối với phương án kinh doanh thương mại điều nhân. Lãi suất theo quy định của ngân hàng, cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Lãi trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ các LC, hợp đồng xuất khẩu.
- (ii) Khoản vay thực hiện cho hợp đồng hợp tác số 01/2017/HĐHT/ART-VEG ngày 10 tháng 03 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ về việc thực hiện đầu tư kinh doanh nông sản với các mặt hàng như lúa mỳ, ngô hạt, khô đậu tương... Thời gian vay từ 6 đến 12 tháng. Lãi suất tối thiểu là 9%/năm trên tổng mức vốn vay.
- (iii) Các khoản vay theo các Hợp đồng đặt cọc tìm kiếm cơ hội đầu tư được ký cùng ngày 28 tháng 11 năm 2017 với 15 cá nhân. Theo đó, Tổng Công ty Rau quả Nông sản - Công ty Cổ phần nhận 150 tỷ của cá nhân với mục đích tìm kiếm cơ hội đầu tư trong thời gian 1 năm và trả một khoản tiền lãi vay mà Bên cá nhân phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội để huy động khoản tiền đặt cọc và thuế Thu nhập cá nhân phát sinh từ khoản lãi và chi phí phát sinh khác. Tổng Công ty Rau quả Nông sản - Công ty cổ phần bảo lãnh cho việc thực hiện mọi nghĩa vụ tài chính của mỗi cá nhân đối với Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội. Tài sản đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trên là toàn bộ tiền, chứng khoán và tất cả các tài sản, quyền lợi phát sinh từ chứng khoán trên Tài khoản giao dịch chứng khoán của Tổng Công ty Rau quả Nông sản - Công ty cổ phần mở tại Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá của tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 04/01/2016	633.738.138.626	22.421.127.209	16.323.004.781	-	186.517.990	672.668.788.606
Tăng trong kỳ	79.261.861.374	(22.421.127.209)	(16.323.004.781)	33.452.881.234	(186.517.990)	73.784.092.628
Số dư tại ngày 31/12/2016	713.000.000.000	-	-	33.452.881.234	-	746.452.881.234
Tăng trong năm	-	-	-	53.480.296.818	-	53.480.296.818
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	(29.233.000.000)	-	(29.233.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; chi thường năng suất (ii)	-	-	-	(2.922.644.062)	-	(2.922.644.062)
Số dư tại ngày 31/12/2017 (i)	713.000.000.000	-	-	54.777.533.990	-	767.777.533.990

(i) Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã ghi nhận giá trị khoản mục vốn góp của chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào thời điểm bắt đầu hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Tuy nhiên, biên bản xác định vốn với Nhà nước của Công ty chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(ii) Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-RQNS-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2017. Theo đó:

- Chia cổ tức 4,1% trên vốn chủ sở hữu tương ứng giá trị là 29.233.000.000 đồng.
- Trích quỹ phúc lợi 5% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tương ứng giá trị là 1.672.644.062 đồng.
- Chi khen thưởng cán bộ công nhân viên vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh với giá trị là 1.250.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

22. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

<u>Tên cổ đông</u>	<u>Số cổ phiếu</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	24.955.000	35,00%
Công ty TNHH Nông nghiệp T&T	15.802.409	22,16%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	10.695.000	15,00%
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	8.717.691	12,23%
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	7.130.000	10,00%
Các cổ đông khác	3.999.900	5,61%
Tổng cộng	71.300.000	100%

c. Cổ phiếu

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	71.300.000	71.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	4.702.169.318.691	4.146.328.027.426
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	4.018.181.818	-
Doanh thu gia công	2.449.385.000	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.302.480.141	905.488.971
Doanh thu bán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	927.735.363	-
Cộng	4.711.867.101.013	4.147.233.516.397
Các khoản giảm trừ	132.988.000	-
- Hàng bán bị trả lại	132.988.000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.711.734.113.013	4.147.233.516.397
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.1)	1.370.348.499.864	34.783.354.426

2. Giá vốn hàng hóa

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	4.656.519.222.979	4.043.134.795.347
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	3.027.392.330	-
Giá vốn dịch vụ gia công	2.449.385.000	-
Giá vốn cho thuê mặt bằng	-	727.641.064
Hàng tồn thất do thiếu hụt	1.948.233.814	-
Giá vốn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	587.012.692	-
Cộng	4.664.531.246.815	4.043.862.436.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	304.201.935.795	93.761.844.414
Cổ tức, lợi nhuận được chia	38.716.624.671	17.681.604.000
Chênh lệch tỉ giá phát sinh trong kỳ	15.821.041.848	817.884.352
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	22.113.873.331
Lãi phạt khách hàng chậm thanh toán	8.733.452.256	544.105.034
Chênh lệch tỉ giá đánh giá lại tại thời điểm cuối kỳ	-	692.148.944
Doanh thu tài chính khác	79.044.345	-
Cộng	367.552.098.915	135.611.460.075

4. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	126.113.145.438	9.127.650.696
Chênh lệch tỉ giá đánh giá lại tại thời điểm cuối kỳ	82.939.431	-
Chênh lệch tỉ giá phát sinh trong kỳ	8.243.693.444	59.349.281.988
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.380.677.594)	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.176.698.826	2.202.769.881
Chi phí UPAS trả chậm	11.634.112.225	77.265.513.803
Lãi chậm thanh toán tiền hàng	155.824.831.503	-
Chi phí khác	-	256.422.820
Cộng	301.694.743.273	148.201.639.188

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.834.663.638	3.309.527.869
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	955.250.487	832.545.131
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	29.768.604
Chi phí khấu hao	7.607.678	22.738.986
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.326.544.514	836.167.546
Chi phí bằng tiền khác	1.253.526.193	2.796.163.484
Cộng	7.377.592.510	7.826.911.620

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	16.712.046.587	17.078.061.578
Chi phí vật liệu quản lý	170.339.060	494.430.630
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.399.259.333	2.086.851.296
Chi phí khấu hao	3.428.203.516	3.357.429.231
Thuế, phí, lệ phí	4.298.148.260	4.648.058.335
Hoàn nhập dự phòng phải thu	(467.481.298)	-
Trích lập dự phòng phải thu	9.979.748.993	6.325.387.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	12.265.309.815	10.112.713.032
Cộng	48.785.574.266	44.102.931.612

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	57.237.184.887	39.114.363.785
Cộng: Chi phí không được trừ khi tính thuế	263.880.128	6.874.652.972
Trừ: Doanh thu không chịu thuế	38.716.624.671	17.681.604.000
Thu nhập tính thuế	18.784.440.344	28.307.412.757
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.756.888.069	5.661.482.551

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.386.733.423	85.707.518.636
Chi phí nhân công	27.092.657.621	30.906.814.811
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.032.973.197	5.007.776.836
Chi phí dự phòng	6.231.089.139	6.325.387.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.131.168.397	11.250.692.165
Chi phí khác bằng tiền	10.983.723.753	4.361.274.292
Cộng	214.858.345.530	143.559.464.250

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH Hai thành viên Chipsgood-Vegetexco	Công ty con
Công ty Cổ Phần Càng Rau Quả	Công ty con
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hạt điều và Hàng nông sản thực phẩm TP Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Thực phẩm Xuất Khẩu Tân Bình	Công ty liên kết
Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá	Công ty liên kết
Công ty Hợp sắt TOVECAN (Tovecan Corporation Limited)	Công ty liên kết
CTCP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower	Công ty liên kết
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty CP In và Bao bì Mỹ Châu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Công ty liên kết
Tổng Công ty Vật Tư Nông Nghiệp - CTCP	Công ty liên kết
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Chủ sở hữu
Công ty TNHH Nông nghiệp T&T	Chủ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Càng Quảng Ninh	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	Chủ sở hữu

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.000.000	88.468.536.101
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	9.000.000	14.201.102.397
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ	-	74.267.433.704
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.131.843.777.066	3.955.795.140.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	1.131.843.777.066	3.495.795.140.000
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ	-	460.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.002.694.611.851	109.846.837.811
Công ty Cổ phần tập đoàn T&T	995.688.265.304	89.584.617.236
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ	288.936.405	7.590.000.000
	6.055.646.142	4.461.372.310
Công ty TNHH Hai thành viên Chipsgood-Vegetexco	661.764.000	661.764.000
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng	-	4.128.712.000
Công ty CP In và Bao bì Mỹ Châu	-	895.092.265
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu	-	2.525.280.000
Công ty Cổ Phần Cảng Rau Quả	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	10.365.876.604	-
Công ty Cổ phần Cảng Rau quả	10.365.876.604	-
Phải trả ngắn hạn khác	71.189.062.449	204.905.918.927
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	-	191.646.298.900
Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ Nghệ	49.026.868.245	13.259.620.027
Công ty Cổ Phần Cảng Rau Quả	22.162.194.204	-
Vay và nợ ngắn hạn	21.918.827.037	-
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ	21.918.827.037	-

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Bán hàng	1.370.348.499.864	34.783.354.426
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	150.009.000.000	34.230.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	1.219.778.116.747	-
Công ty Hợp sắt TOVECAN (Tovecan Corporation Limited)	561.383.117	553.354.426
Mua hàng	402.876.563.843	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	684.735.181	-
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	2.266.624.762	-
Công ty CP Cảng Rau Quả	399.925.203.900	-
Thu tiền bán hàng	1.458.864.174.277	20.028.897.603
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	164.201.102.397	20.028.897.603
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	1.294.045.550.451	-
Công ty Hợp sắt TOVECAN (Tovecan Corporation Limited)	617.521.429	-
Cổ tức được chia	13.126.639.760	11.965.572.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm XNK Tân Bình	1.652.289.760	-
CTCP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower	4.163.884.000	-
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	4.128.712.000	7.077.792.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu Rau Quả	765.204.000	-
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng	54.050.000	-
Công ty CP Cảng Rau Quả	-	2.525.280.000
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu	2.362.500.000	2.362.500.000
Cổ tức đã nhận bằng tiền	18.382.567.735	21.993.574.000
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	8.257.424.000	5.898.160.000
Công ty Cổ phần Cảng rau quả	2.525.280.000	9.469.800.000
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu	3.257.592.265	2.462.500.000
CTCP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower	4.163.884.000	4.163.114.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm XNK Tân Bình	178.387.470	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi tiền cho vay	1.446.348.318.730	3.955.795.140.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	1.446.348.318.730	3.495.795.140.000
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ	-	460.000.000.000
Thu tiền hợp tác kinh doanh	735.356.827.037	191.646.298.900
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	-	191.646.298.900
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ	735.356.827.037	-
Trả tiền hợp tác kinh doanh	713.438.000.000	-
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ	713.438.000.000	-
Thu hồi tiền cho vay	4.270.299.681.664	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	3.810.299.681.664	-
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ	460.000.000.000	-
Thu tiền bồi thường hàng thiếu	1.653.748.388	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	1.653.748.388	-
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	302.006.416.831	97.174.617.236
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	295.688.265.304	89.584.617.236
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ	6.318.151.527	7.590.000.000
Chi phí lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	35.767.248.218	-
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ	35.767.248.218	-
Lãi chậm thanh toán tiền hàng	22.162.194.204	-
Công ty CP Cảng Rau Quả	22.162.194.204	-

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	4.493.442.454	679.433.335
Thu nhập của Hội đồng quản trị	2.010.500.000	583.500.000
Thu nhập của Ban kiểm soát	240.000.000	210.000.000
Cộng	6.743.942.454	1.472.933.335

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có ít rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm gồm ba hoạt động: hoạt động trồng hoa để bán, hoạt động chế biến điều để bán và hoạt động thương mại bán các sản phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động trồng hoa để bán chưa chiếm đến 10% doanh thu phát sinh và lợi nhuận trong kỳ. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Văn phòng Công ty và Công ty Giống Rau quả Trung Ương - Chi nhánh Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần có trụ sở đặt tại số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty có một đơn vị trực thuộc là Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco tại tỉnh Bình Phước. Công ty trình bày báo cáo theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần về bán hàng và giá trị còn lại của các tài sản bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa dịch vụ.

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Khu vực Hà Nội	Khu vực Bình Phước	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	3.570.006.096.041	91.574.094.945	3.661.580.190.986
Tổng tài sản			3.661.580.190.986
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	2.886.819.471.601	6.983.185.395	2.893.802.656.996
Tổng nợ phải trả			2.893.802.656.996

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2017

	Khu vực Hà Nội	Khu vực Bình Phước	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	5.317.549.903.172	83.334.151.537	5.400.884.054.709
Tổng tài sản			5.400.884.054.709
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	4.651.001.948.676	3.429.224.799	4.654.431.173.475
Tổng nợ phải trả			4.654.431.173.475

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017

	Khu vực Hà Nội	Khu vực Bình Phước	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.590.780.003.477	120.954.109.536	4.711.734.113.013
Tổng doanh thu	4.590.780.003.477	120.954.109.536	4.711.734.113.013
Giá vốn hàng bán và cung cấp	4.540.603.057.274	123.928.189.541	4.664.531.246.815
Kết quả hoạt động kinh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	50.176.946.203	(2.974.080.005)	47.202.866.198
Chi phí không phân bổ			56.163.166.776
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(8.960.300.578)
Doanh thu từ các khoản đầu tư			367.552.098.915
Lợi nhuận khác			340.129.823
Chi phí tài chính			301.694.743.273
Lợi nhuận trước thuế			57.237.184.887
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			3.756.888.069
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận trong năm			53.480.296.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016

	Khu vực Hà Nội	Khu vực Bình Phước	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.922.761.665.176	224.471.851.221	4.147.233.516.397
Tổng doanh thu	3.922.761.665.176	224.471.851.221	4.147.233.516.397
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	3.819.468.539.958	224.393.896.453	4.043.862.436.411
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	103.293.125.218	77.954.768	103.371.079.986
Chi phí không phân bổ			51.929.843.232
Lợi nhuận từ hoạt động kinh			51.441.236.754
Doanh thu từ các khoản đầu tư			135.611.460.075
Lợi nhuận khác			263.306.144
Chi phí tài chính			148.201.639.188
Lợi nhuận trước thuế			39.114.363.785
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			5.661.482.551
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận trong năm			33.452.881.234

3. Các khoản bảo lãnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Tổng Công ty đang sử dụng tài sản của công ty, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ tiền, chứng khoán và tất cả các tài sản, quyền lợi phát sinh từ chứng khoán trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Tổng Công ty mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội để bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho việc thực hiện mọi nghĩa vụ tài chính của các cá nhân quy định cụ thể tại Hợp đồng bảo lãnh.

4. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty thực hiện chuyển nhượng khoản vốn góp vào Công ty con là Công ty TNHH Hai thành viên Chipsgood - Vegetexco tại ngày 17 tháng 01 năm 2018.

Công ty thực hiện chuyển nhượng khoản chứng khoán kinh doanh là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả tại ngày 09 tháng 01 năm 2018.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh của năm nay như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2016 (trước điều chỉnh)	Thay đổi	01/01/2017 (sau điều chỉnh)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	4.563.469.291.918	9.433.351.517	4.572.902.643.435
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	9.433.351.517	9.433.351.517
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	9.433.351.517	9.433.351.517
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	837.414.762.791	(9.433.351.517)	827.981.411.274
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	617.509.535.447	(9.433.351.517)	608.076.183.930
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.447.612.171	57.765.780.000	63.213.392.171
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	237.780.387.904	213.157.567.383	450.937.955.287
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	376.484.305.253	(280.356.698.900)	96.127.606.353

Nguyễn Thu Hương
Người lập
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

